|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  **SỞ TÀI CHÍNH**  Số: /TTr-STC |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đắk Nông, ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024**

**trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài chính xin trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định:

“*5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên để thực hiện cho năm tiếp theo liền kề*”

Theo quy định nêu trên, việc Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là cần thiết, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của văn bản cấp trên.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

**1. Mục đích:**

- Đảm bảo sự phù hợp với Luật Thuế Tài nguyên năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật này.

- Làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên và là cơ sở để cơ quan thuế tính toán, xác định mức thu, quản lý thu thuế tài nguyên.

**2. Quan điểm chỉ đạo:**

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/5/2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 Sửa đổi Thông tư số 44/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/5/2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau.

- Chỉ quy định cụ thể những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; không lặp lại những nội dung Nghị định và Thông tư đã quy định rõ và không giao thẩm quyền cho UBND tỉnh;

- Bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

Thực hiện Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày03/02/2023 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình công tác năm 2023.

Ngày 01/11/2023, Sở Tài chính chủ trì tổ chức cuộc họp mời các Sở, ngành gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh và Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV để tiến hành thực hiện rà soát, đánh giá, đề xuất phương án xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các đơn vị, Sở Tài chính đã chủ trì xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gửi các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan xin ý kiến góp ý (theo nội dung Công văn số /STC-GCS&TCDN ngày /11/2023)

Trên cơ sở đóng góp ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, UBND các huyện, thành phố, ngày …./11/2023, Sở Tài chính có Công văn số /STC-GCS&TCDN gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BCTĐ-STP ngày /2023, Sở Tài chính đã bổ sung, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo báo cáo đính kèm.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH:**

1. **Bố cục:**

Dự thảo Quyết định bao gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Quyết định:**

2.1. Về bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023:

Qua thống kê kết quả thực hiện áp dụng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh thì chỉ có một số loại tài nguyên có phát sinh hoạt động khai thác, chế biến trên địa bàn bao gồm: Quặng bouxite laterit, cát vàng xây dựng, than bùn, đá các loại, đất làm gạch ngói, đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, khí thiên nhiên, nước thiên nhiên, nước mặt, lồ ô, le. Các tài nguyên còn lại không phát sinh hoạt động khai thác, chế biến.

Mức giá kê khai tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên có phát sinh hoạt động khai thác, chế biến trên địa bàn tỉnh đa số bằng với mức giá tại bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 do UBND tỉnh quy định, một số loại tài nguyên có giá kê khai tăng nhưng mức độ tăng không đáng kể. Do đó, Tại cuộc họp ngày 03/11/2023, các ngành thống nhất giữ nguyên mức giá tính thuế tài nguyên năm 2023 để áp dụng trong năm 2024.

Riêng đối với giá cát xây dựng: Hiện nay, theo báo cáo giá cả vật liệu xây dựng được Sở Xây dựng khảo sát và thông báo định kỳ hàng tháng thì giá cát bán ra trên thị trường đến người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh dao động từ 220.000 đồng/m3  đến 540.000 đồng/m3 (tùy theo địa bàn, giá bán tại các địa bàn khác nhau chênh lệch nhau cao chủ yếu do chi phí vận chuyển). Mức giá tại nơi sản xuất (huyện Krông Nô) là 220.000 đồng/m3. Như vậy, giá tính thuế tài nguyên đối với cát xây dựng theo Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 hiện nay là 300.000 đồng/m3 thực tế đang cao hơn giá thị trường. Tác động tích cực của việc xây dựng giá tính thuế tài nguyên cao hơn giá thị trường là việc thu được tiền thuế tài nguyên cao hơn. Tuy nhiên, điều này dẫn đến chi phí đầu tư xây dựng sẽ cao hơn thực tế vì các đơn vị khi xuất hóa đơn bán hàng sẽ xuất bán với giá tối thiểu bằng mức giá quy định của UBND tỉnh. Do đó, các ngành thống nhất đề xuất điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên đối với cát xây dựng bằng với mức giá hiện đang bán ra tại các mỏ khai thác ở huyện Krông Nô, cụ thể là 220.000 đồng/m3 (Mức giá tối thiểu theo khung giá của Bộ Tài chính là 105.000 đồng/m3)

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Bảng giá tính thuế tài nguyên làm cơ sở để:

- Các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên.

- Cơ quan thuế tính toán, xác định mức thu, quản lý thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Tính tiền cấp quyền khai thác các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng

- Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh, các Chi cục Thuế Khu vực.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2.3. Tổ chức thực hiện

a) Giao Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hàng năm phù hợp với biến động của thị trường, phù hợp với Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành.

- Chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính trước khi quyết định ban hành văn bản điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với trường hợp giá tài nguyên trên địa bàn tỉnh có biến động lớn phải điều chỉnh ngoài Khung giá tính thuế tài nguyên của Bộ Tài chính.

- Chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng từ, hợp đồng mua bán của các tổ chức, cá nhân về chất lượng, sản lượng của loại tài nguyên, giá sản phẩm tài nguyên bán ra tại thị trường để xác định cụ thể giá để tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khác có phát sinh nhưng chưa được UBND tỉnh quy định chi tiết tại Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh thống nhất để áp dụng.

- Cung cấp thông tin đối với các trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên, gửi văn bản về Bộ Tài chính để làm căn cứ điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày có phát sinh các trường hợp điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên.

b) Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân có chức năng hoạt động kinh doanh liên quan đến tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Quyết định này; kịp thời thông báo Sở Tài chính trong trường hợp phát hiện giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh quy định không còn phù hợp.

c) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương thực hiện theo dõi, rà soát và kịp thời thông báo cho Sở Tài chính trong trường hợp có biến động về giá hoặc có bổ sung các loại tài nguyên thuộc phạm vi quản lý có phát sinh khai thác trên địa bàn tỉnh.

**V.NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 cơ bản được giữ nguyên theo Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023, chỉ điều chỉnh giá tính thuế đối với cát xây dựng nhằm đảm bảo phù hợp với thị trường. Do đó, về cơ bản không làm phát sinh thêm kinh phí từ ngân sách và tác động tiêu cực nào đến tình hình kinh tế xã hội tại địa phương.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Tại điểm c khoản 5.1 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định:

“*c) Giá tính thuế tài nguyên đối với trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra được xác định như sau:*

*c1) Đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến và bán ra sản phẩm tài nguyên thì giá tính thuế là giá bán sản phẩm tài nguyên không có thuế giá trị gia tăng (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan không bao gồm thuế xuất khẩu (đối với trường hợp xuất khẩu);*

*c2) Đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu): Giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp.*

*Chi phí chế biến được trừ quy định tại điểm c2 này phải* ***căn cứ hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định*** *trình Ủy ban nhân dân cấp tính quyết định căn cứ vào công nghệ chế biến theo Dự án đã được phê duyệt và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên trong địa bàn tỉnh nhưng không bao gồm chi phí khai thác, sàng, tuyển, làm giàu hàm lượng.”*

Do những vướng mắc liên quan đến phương pháp xác định giá tính thuế tài nguyên đối với các sản phẩm công nghiệp là Alumin và Hydrat, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương nhiều lần. Tuy nhiên, các văn bản phản hồi của các Bộ, ngành đến nay chưa có hướng dẫn chi tiết nội dung này.

Theo báo cáo của Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (đơn vị được cấp phép khai thác quặng Bauxite Laterit trên địa bàn tỉnh) thì quặng Bauxite Laterit đơn vị khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra. Sản phẩm bán ra là Alumin và Hydrat. Công ty bán sản phẩm trực tiếp cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo giá bán do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giao khoán nội bộ nên không thể căn cứ vào mức giá này và các chi phí chế biến phát sinh của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV tại địa bàn tỉnh Đắk nông để xác định giá tính thuế tài nguyên.

Ngoài ra, giá xuất khẩu của sản phẩm Alumin và Hydrat trên thị trường liên tục biến động phụ thuộc vào cung, cầu sản phẩm. Pháp luật hiện hành không quy định định mức kinh tế kỹ thuật để xác định chính xác chi phí chế biến sản phẩm Alumin và Hydrat. Do đó, đến thời điểm hiện nay các Sở, ngành vẫn không có cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên đối với Alumin và Hydrat theo quy định tại điểm c khoản 5.1 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Theo báo cáo của Công ty Nhôm Đắk Nông, tại buổi làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn đề nghị vẫn tiếp tục nộp thuế tài nguyên theo giá tính thuế hiện tại đối với quặng Bauxit Laterit, đồng thời, từ năm 2023 trở đi, cuối năm tài chính Tập đoàn sẽ thống kê toàn bộ các khoản thu từ bán sản phẩm Alumin và Hydrat, các khoản chi phí có liên quan. Trường hợp chênh lệch giữa doanh thu và chi phí có liên quan được phân bổ cho mỗi sản phẩm cao hơn so với giá tính thuế tài nguyên đã nộp, Tập đoàn sẽ kê khai và nộp bổ sung, nếu thấp hơn thì kê khai và nộp như hiện tại. Trường hợp Tập đoàn kê khai và nộp bổ sung thuế như trên đề nghị cơ quan Thuế hướng dẫn cách kê khai, nộp bổ sung để đơn vị không bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này.

Từ những lý do nêu trên, các ngành thống nhất đề xuất UBND tỉnh xem xét, thống nhất chưa ban hành giá tính thuế tài nguyên đối với Alumin và Hydrat do chưa có cơ sở để thực hiện (tham khảo tỉnh Lâm Đồng hiện nay vẫn chưa xây dựng giá tính thuế tài nguyên đối với Alumin và Hydrat). Mức giá tính thuế tài nguyên đối với Quặng Bauxit Laterit đề xuất giữ nguyên là 390.000 đồng/tấn.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Sở Tài chính xin kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo:* (1) *Dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; (2) Bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan;(3) Báo cáo thẩm định số …/BCTĐ-STP ngày …/…/2023 Dự thảo Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;(4) Văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan;(4) Các văn bản của UBND tỉnh về việc xây dựng và ban hành Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Sở Tư pháp;  - Ban Giám đốc Sở;  - Lưu VT, GCS&TCDN. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Văn Phò** |